

Bản án số: **82/2020/KDTM-PT**

Ngày: 15+19/6/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
tư vấn thiết kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Các thẩm phán: **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Bà Dương Thị Huệ** - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKS: **Ông Trần Chí Thành** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội

Trong các ngày 15+19/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 123/2020/TLPT- KDTM ngày 28/4/2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận HK , thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 13/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2020/QĐ-HPT ngày 26/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần HD

Trụ sở: Số 57, phố TQT, phường THĐ, quận HK , thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Đoàn Hải L** – Sinh 1984

Địa chỉ liên hệ: P 305, Tòa nhà N, số 28, LG, phường V, quận BD , thành phố Hà Nội

(Văn bản uỷ quyền ngày 06/12/2019)

Bị đơn: **Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL**

Trụ sở: Phòng 607 tầng 6, Tòa nhà S , số 1, phố ĐL , quận HK
, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Lưu Tiến D – Sinh 1965

Ông Ngô Thái N sinh 1992

(Giấy uỷ quyền ngày 16/3/2016)

Địa chỉ liên hệ: Số 83B, phố LTK, quận HK , thành phố Hà
Nội

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN NHƯ SAU

Ngày 29/01/2008 Công ty Cổ phần HD (Gọi tắt Công ty HD) và Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL (Gọi tắt là Công ty PL) có ký kết 01 Hợp đồng tư vấn thiết kế mang số 01/2008/PL-HDC. Nội dung hợp đồng thể hiện việc Công ty PL tư vấn có trách nhiệm thiết kế xây dựng toàn bộ (bao gồm thiết kế nội thất và cảnh quan) cho dự án Trung tâm thương mại- khách sạn 4 sao HD- Hotel mà Công ty HD là chủ đầu tư.

Tổng giá trị hợp đồng là $G = 1.754.550$ USD (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được phân bổ theo các giai đoạn thực hiện gồm:

Giai đoạn 1: Thiết kế xây dựng

Giai đoạn 2: Thiết kế nội thất – Cảnh quan

Giai đoạn 3: Giám sát tác giả.

Trong đó, phí thiết kế xây dựng là 1.254.550USD gồm phí thiết kế (A) là 1.191.882USD, phí giám sát tác giả (AA) của giai đoạn này là 62.728USD được thanh toán 12 lần.

Thanh toán lần 1: $25\% \times A$ ngay sau khi ký hợp đồng và Tư vấn nộp Chứng thư ngân hàng bảo lãnh hợp đồng, các Hợp đồng bảo hiểm cho Chủ đầu tư.

Thanh toán lần 2: $5\% \times A$ sau khi nộp Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc cho Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư chấp thuận.

Thanh toán lần 3: $10\% \times A$ sau khi nộp hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc lên Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền tương đương và hồ sơ trên được thẩm tra phê duyệt...(Phụ lục 4 Hợp đồng).

Khi chấm dứt hợp đồng theo các Điều 2.8.1(Do Chủ đầu tư) hoặc Điều 2.8.2 (Do Tư vấn), các bên sẽ thỏa thuận về việc thanh toán cho Tư vấn thu nhập theo Điều 6 của Điều kiện chung của hợp đồng trên cơ sở các phần dịch vụ Tư vấn đã thực hiện đạt yêu cầu và được Chủ đầu tư chấp thuận trong thời gian trước ngày chấm dứt hợp đồng có hiệu lực. Ngoài ra, Chủ đầu tư không phải thanh toán cho Tư vấn bất kỳ khoản nào khác, ngoại trừ Điều 2.8.1.g (Chủ đầu tư tự mình quyết định chấm dứt hợp đồng) thì Chủ đầu tư sẽ bồi thường cho Tư vấn tương đương 01% giá trị hợp đồng... (Điều 2.8.5 Hợp đồng).

Thực hiện hợp đồng, Công ty PL đã nộp Chứng thư bảo lãnh hợp đồng của Ngân hàng; Mua bảo hiểm cho Chủ đầu tư; Giao cho Công ty HĐ hồ sơ thiết kế tương ứng với phần công việc thiết kế kiến trúc tổng thể mặt bằng và đã hoàn thành việc hỗ trợ Công ty HĐ lập hồ sơ xin Sở Quy hoạch kiến trúc phê duyệt nhưng vì Công ty HĐ có sự thay đổi quy mô dự án nên Công ty này chưa nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xin phê duyệt.

Ngày 03/9/2008 Công ty HĐ có Thông báo cho Công ty PL tạm ngừng in bản vẽ với lý do thay đổi quy mô dự án và yêu cầu Công ty PL báo giá khác theo quy mô dự án mới. Vì không thỏa thuận được với nhau về việc điều chỉnh giá cho thiết kế mới do Công ty PL báo nên ngày 01/12/2008 Công ty HĐ có công văn gửi Công ty PL đề nghị thanh lý hợp đồng. Ngày 20/01/2009 Công ty HĐ tuyên bố đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Do không thống nhất được với nhau về giá trị thanh toán, ngày 24/6/2010 Công ty HĐ khởi kiện yêu cầu Công ty PL hoàn trả số tiền mà Công ty HĐ đã thanh toán còn thừa cho Công ty PL sau khi đã đối trừ số tiền đã tạm ứng với số tiền được thanh toán. Cụ thể:

Công ty HĐ chỉ chấp nhận thanh toán khoản tiền phạt hợp đồng tương đương 1% giá trị hợp đồng; Khoản tiền tương ứng với khối lượng công việc PL đã

hoàn thành và được chấp thuận bao gồm: phương án kiến trúc và thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng chiếm khoảng 8% giá trị thiết kế xây dựng (không bao gồm giá trị phí giám sát tác giả). Tổng cộng số tiền mà Công ty HĐ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty PL là 117.909,5USD. Số tiền Công ty HĐ đã 02 lần tạm ứng cho Công ty PL là 6.374.689.670đ (tương ứng 396.751,75USD tương ứng 31,6% giá trị thiết kế xây dựng) nên Công ty Pacific Links phải trả lại 278.841,8USD.

Công ty PL không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty HĐ mà cho rằng các khoản tiền Công ty HĐ đã giao cho Công ty PL (lần 1 là 25% và lần 2 là 5%) đều là tiền thanh toán không hoàn lại vì trong hợp đồng không có điều khoản nào đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề tạm ứng và cơ chế thu hồi tạm ứng theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận trả lại số tiền 272.571,41USD. Ngược lại Công ty PL còn có yêu cầu phản tố buộc Công ty HĐ phải thanh toán:

- Khoản tiền thanh toán đợt 3 theo Phụ lục 4 của Hợp đồng là 10% giá trị thiết kế xây dựng (không bao gồm phí giám sát tác giả) là 125.455USD vì hồ sơ Công ty Pacific Links đã hoàn thiện không được gửi lên Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội phê duyệt là do Công ty HĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Khoản tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng 1% giá trị hợp đồng tương đương 17.545USD chưa bao gồm thuế GTGT.

Tổng cộng cả hai khoản là 143.000,5USD.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm (Lần 1) số 01/2011/KDTM-ST ngày 20/6/2011 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã xét xử và quyết định:

“1.Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần HĐ đối với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL .

2.Buộc Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần HĐ số tiền tạm ứng của Hợp đồng số 01-2008/PL-HDC ký ngày 29/01/2008 là 272.571,41USD tương đương với 5.642.228.187đ.

3. Bác yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL đối với Công ty Cổ phần HĐ ”

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án, ngày 01/7/2011 Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL có đơn kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 27/2011/KDTM-PT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử và giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 01/2011/KDTM-ST ngày 20/6/2011 của Tòa án nhân dân quận HK , thành phố Hà Nội.

Không đồng ý với quyết định của bản án phúc thẩm, Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL đã gửi Đơn khiếu nại lên Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị xem xét theo trình tự giám đốc.

Quyết định giám đốc thẩm số 18/2015/KDT-GĐT ngày 26/3/2015 của Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân Tối cao đã nhận định:

Các khoản 6.2 Điều 6 và khoản 6.4 của Hợp đồng tư vấn thiết kế PLC-HDC và Phụ lục 4 của hợp đồng đã ký kết giữa Công ty HĐ và Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL chỉ quy định về tiến trình, tiến độ thanh toán của Công ty HĐ tương ứng với mỗi giai đoạn thực hiện hợp đồng chứ không phải quy định về giá trị khối lượng công việc tại mỗi lần thanh toán... Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HĐ về việc xác định số tiền thanh toán lần đầu tiên (25% phí thiết kế xây dựng) là tiền tạm ứng và số tiền này được phân bổ cho các lần thanh toán tiếp theo là không đúng... Tòa án sơ thẩm và Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu buộc Công ty HĐ thanh toán lần 3 của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL là không đúng... Công ty HĐ phải thanh toán tiền lần 3 cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL .

Từ đó Quyết định giám đốc thẩm đã hủy cả 02 Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2011/KDTM-ST ngày 21/9/2011 của TAND TP Hà Nội và bản án sơ thẩm số 01/KDTM-ST ngày 20/6/2011 quận HK .

Sau khi thụ lý, giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, *bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm (Lần 2) số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận HK đã quyết định:*

“1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HĐ đối với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL về việc buộc PL phải trả lại cho Công ty Cổ phần HĐ số tiền 6.308.478.665đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL buộc Công ty Cổ phần HĐ phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL (Tính đến ngày 20/11/2019) số tiền cụ thể sau:

+Tiền thanh toán lần 3 theo Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008 là 1.599.420.000đ

+ Tiền bồi thường theo Điều 2.8.5b, điều kiện chung của Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008 là 406.704.690đ.

+ Tiền lãi của số tiền 1.599.420.000đ là 2.080.735.870đ

Tổng cộng: 4.086.860.560đ.

Ngoài số tiền Công ty Cổ phần HĐ phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL như trên, Công ty Cổ phần HĐ còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL số tiền lãi của số tiền 1.599.420.000đ kể từ ngày 21/11/2019 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất chậm thanh toán mà các bên đã thỏa thuận là 12%/năm.

4. Đối với số tiền bồi thường theo Điều 2.8.5b, điều kiện chung của Hợp đồng tư vấn thiết kế số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008 là 406.704.690đ thì kể từ ngày Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi Công ty Cổ phần HĐ thi hành xong, Công ty Cổ phần HĐ còn phải thanh toán tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án, ngày 09/12/2019 Công ty PL và Công ty HĐ đều có đơn kháng cáo. Theo đó, Công ty PL kháng cáo một phần bản án yêu

cầu Nguyên đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền lần 3 là 10% giá trị thiết kế xây dựng theo hợp đồng tương đương 125.455USD và tiền lãi chậm thanh toán; Công ty HD kháng cáo toàn bộ bản án và cho rằng 02 khoản tiền Công ty đã chuyển cho PL là tiền tạm ứng nên phải trả lại số tiền còn thừa; Đồng thời không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền 10% giá trị hợp đồng lần như đơn phản tố của Công ty Facific Links .

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn cho rằng Bị đơn hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đầu tư và đã tạm dừng kinh doanh từ 5 năm nay nhưng chưa bị thu hồi Giấy phép. Mặc dù pháp nhân không còn tồn tại và Nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm gửi công văn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện. Về tư cách của 02 người đại diện tham gia tố tụng của Bị đơn: Theo cung cấp của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì ông STS – Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 18/10/2014 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài và “Không có thông tin liên quan đến nhập, xuất cảnh của ông STS ...trong khoảng thời gian từ 11/12/2015 đến 07/6/2019” nên giấy ủy quyền có chữ ký của ông STS cho ông Lưu Tiến D và ông Ngô Thái N tham gia tố tụng là không hợp pháp vì không có hợp pháp hóa lãnh sự. Nguyên đơn còn đề nghị HĐXX trưng cầu giám định chữ ký của ông STS trên giấy ủy quyền.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm với lý do có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, đồng thời cũng đề nghị HĐXX phúc thẩm nhận định trong bản án phúc thẩm kiến nghị Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Bị đơn. Người đại diện của Nguyên đơn đề nghị trong trường hợp không hủy được bản án sơ thẩm thì đề nghị HĐXX bác yêu cầu phản tố của Bị đơn.

Tại phiên tòa, Bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu phản tố buộc Nguyên đơn phải thanh toán trả Bị đơn toàn bộ số tiền của

giai đoạn 3 là 10% giá trị hợp đồng tư vấn thiết kế vì Bị đơn đã phải đầu tư rất nhiều công sức, ý tưởng thiết kế nội thất – cảnh quan phối cảnh thiết kế tổng mặt bằng và thiết kế phương án kiến trúc, công việc đã hoàn thành nhưng do Nguyên đơn có thông báo ngừng việc in bản vẽ và không trình bản thiết kế ra Sở Quy hoạch kiến trúc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm với nội dung chính:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm thụ lý vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật. Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại bộ luật tố tụng dân sự. Đơn phản tố của bị đơn phù hợp với quy định của pháp luật và liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét về nội dung: Không có căn cứ cho rằng các khoản tiền mà Nguyên đơn đã chuyển cho Bị đơn giai đoạn 1 và 2 là khoản tiền tạm ứng mà đó là khoản tiền thanh toán nên Bị đơn không có nghĩa vụ trả lại. Đối với khoản tiền thanh toán lần 3 mà Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn phải thanh toán thì hồ sơ thiết kế chưa được trình lên Sở Quy hoạch Kiến trúc do lỗi của Nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Bị đơn là phù hợp.

Về khoản tiền phạt 1% của hợp đồng do Nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng cũng có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 2.8.1 của Hợp đồng. Đối với yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả số tiền phải thanh toán 12%/năm cũng đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên có căn cứ chấp nhận.

Đề xuất: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty Cổ phần HD (Nguyên đơn) và Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL (Bị đơn) làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận.

Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh về tư cách đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Tiến D và Ngô Thái N với lý do: Giấy ủy quyền của ông STS cho ông Dũng và ông Ninh tham gia tố tụng khi ông STS không ở Việt Nam mà không có hợp thức hóa lãnh sự là không hợp pháp: HĐXX thấy rằng theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì “Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập trong các trường hợp sau đây:.. Giấy tờ, tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; Giấy tờ tài liệu được lập ở nước ngoài được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật nước ngoài và đã được hợp thức hóa lãnh sự...”

Trong vụ án này, Công ty TNHH Thiết kế và xây dựng PL mặc dù có người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài nhưng công ty là pháp nhân Việt Nam nên việc lập giấy ủy quyền của người đại diện pháp nhân cho cá nhân đã được đóng dấu của pháp nhân là hợp pháp và không thuộc trường hợp bị điều chỉnh theo quy định của Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Luật sư của Nguyên đơn còn cho rằng Công ty PL hiện đã dừng hoạt động, không còn kinh doanh tại địa chỉ đăng ký tại Giấy phép đầu tư do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp nhưng thực tế tại Công văn số 2538/KH&ĐT-KTĐN ngày 04/5/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp cho Tòa án thì đến thời điểm hiện tại (04/5/2018) Sở chưa nhận được bất cứ văn bản xin chuyển trụ sở, giãn tiến độ thực hiện dự án, giải thể doanh nghiệp hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư. Sở Kế hoạch Đầu tư đang lập danh mục dự án thực hiện giám sát đầu tư và phối hợp với Cục Thuế Hà Nội thực hiện xử lý đối với doanh nghiệp không có tại địa điểm đăng ký theo quy định nhưng đến thời điểm này Bị đơn vẫn chưa bị thu hồi giấy phép.

Theo Công văn số 377/QLKTTW-MTKD ngày 11/5/2018 của Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương – Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Tòa án thành phố Hà Nội liên quan đến cơ sở pháp lý, bản chất, quy trình, thủ tục thu

hồi GCNĐKKD đã giải thích rõ “...doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sẽ được coi là đang trong quá trình giải thể; doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vẫn tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan”.

Vì vậy, HĐXX thấy lý do xin dừng phiên tòa để xác minh địa chỉ của Bị đơn do luật sư đề nghị không hợp lý nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn còn đề nghị HĐXX cho giám định chữ ký trong văn bản cho hai người đại diện ủy quyền của Bị đơn có đúng chữ ký của ông STS hay không. Phía Bị đơn khẳng định chữ ký trong giấy ủy quyền đúng là chữ ký của ông STS và không đồng ý giám định. HĐXX thấy rằng 02 giấy ủy quyền của ông STS – Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn cho ông Lưu Tiến D và Ngô Thái N đề các ngày 01/10/2015 và 16/3/2016 được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có nội dung và phạm vi ủy quyền rõ ràng, có chữ ký tên người lập và đóng dấu của pháp nhân (Công ty PL) nên việc giám định là không cần thiết.

Xét về nội dung kháng cáo của các bên đương sự, HĐXX thấy rằng:

Hợp đồng tư vấn thiết kế mang số 01/2008/PL-HDC lập ngày 29/01/2008 giữa Công ty Cổ phần HD (Gọi là Nguyên đơn) và Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL (Gọi là Bị đơn) thể hiện việc Bị đơn có trách nhiệm thiết kế xây dựng toàn bộ (bao gồm thiết kế nội thất và cảnh quan) cho dự án Trung tâm thương mại- khách sạn 4 sao HD- Hotel mà Nguyên đơn là chủ đầu tư. Đối với phần công việc của Bị đơn đã thực hiện theo hợp đồng các bên không tranh chấp. Thậm chí theo Công văn số 85-2008/CV-HĐ/QLDA ngày 31/7/2008, Nguyên đơn đã chính thức chấp thuận phương án kiến trúc quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án “Trung tâm thương mại – Khách sạn 4 sao HD – Hotel” của Bị đơn. Bị đơn đã mua phí bảo hiểm và nộp chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng cho Nguyên đơn và đã hoàn thành việc hỗ trợ về mặt kỹ thuật để hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Nguyên đơn đã 2 lần chuyển cho Bị đơn khoản tiền là 25% và 5% theo thỏa thuận trong hợp đồng, tổng cộng 6.374.689.675đ tương đương với

396.751,3USD. Do Nguyên đơn thay đổi quy mô dự án, các bên không thỏa thuận được về việc điều chỉnh giá trị hợp đồng nên Nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Vì không thống nhất trong việc giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả lại khoản tiền đã giao của lần 1 và 2 là 272.571,41USD tương đương 5.642.228.187đ. Với lý do khoản tiền của cả 2 lần Nguyên đơn giao cho Bị đơn là tiền tạm ứng nên sau khi chấm dứt hợp đồng thì Nguyên đơn chỉ đồng ý thanh toán cho Bị đơn khối lượng công việc đã hoàn thành và được chấp thuận bao gồm phương án kiến trúc và thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng chiếm khoảng 8% giá trị thiết kế xây dựng (không bao gồm giá trị phí giám sát tác giả) và khoản tiền phạt hợp đồng tương đương với 1% giá trị hợp đồng.

Bị đơn không chấp nhận mà cho rằng 2 khoản tiền Nguyên đơn đã giao lần 1 và 2 đều là khoản tiền thanh toán. Bên cạnh đó, Bị đơn còn yêu cầu Nguyên đơn phải thanh toán khoản tiền giai đoạn 3 là 10% giá trị của hợp đồng là 125.455USD bởi Bị đơn đã hoàn thiện hồ sơ nhưng không được Nguyên đơn trình lên Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội mà còn tự ý chấm dứt hợp đồng.

Theo quy định tại Khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng số 01/2008/PLC-HDC ngày 29/01/2008 (Gọi là Hợp đồng số 01) quy định về lịch biểu thanh toán; Khoản 6.4 Điều 6 của Hợp đồng quy định về điều kiện để tư vấn được thanh toán; Phần II của Hợp đồng quy định về điều kiện chung của hợp đồng và Phụ lục 4 của Hợp đồng quy định về giá trị hợp đồng và tiến độ thanh toán của Hợp đồng số 01 chỉ quy định về tiến trình, tiến độ thanh toán của Nguyên đơn, không quy định về giá trị khối lượng công việc tại mỗi lần thanh toán. Hơn nữa, Điều 4 phần I của Hợp đồng còn ghi rõ “Trên cơ sở việc thực hiện và hoàn thành các dịch vụ của tư vấn, Chủ đầu tư cam kết sẽ thanh toán cho Tư vấn đầy đủ giá trị Hợp đồng tại thời điểm và theo phương thức đã được xác định bởi hợp đồng này”.

Ngày 01/12/2008 Nguyên đơn ban hành Công văn 133/CV-HĐ thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bị đơn.

Tại điểm g, Điều 2.8.1 phần II của Hợp đồng số 01 đã quy định nếu Chủ đầu tư tự mình quyết định chấm dứt hợp đồng này thì phải căn cứ vào điểm a Điều 2.8.5 Phần II của Hợp đồng để giải quyết tranh chấp, đó là “Khi chấm dứt hợp đồng theo các Điều 2.8.1 hoặc Điều 2.8.2 của Điều kiện chung của hợp đồng, các bên sẽ thỏa thuận về việc thanh toán cho Tư vấn thu nhập theo Điều 6 của Điều kiện chung của Hợp đồng trên cơ sở các phân dịch vụ tư vấn đã thực hiện đạt yêu cầu và được Chủ đầu tư chấp thuận trong thời gian trước ngày chấm dứt hợp đồng có hiệu lực. Ngoài ra Chủ đầu tư không phải thanh toán cho Tư vấn bất kỳ khoản nào khác, ngoại trừ Điều 2.8.1.g thì Chủ đầu tư sẽ bồi thường cho Tư vấn tương đương 1% giá trị hợp đồng”. Tức là phải căn cứ vào giá trị khối lượng công việc thực tế mà Bị đơn đã thực hiện để làm cơ sở xác định nghĩa vụ thanh toán của Nguyên đơn.

Đối chiếu với thực tế, thì tại Công văn số 76-2008/CV-HĐ/QLDA ngày 01/7/2008 của Nguyên đơn gửi Bị đơn có ghi “...N như vậy, để thanh toán 5% của tổng giá trị hợp đồng mà Quý công ty (Bị đơn) đưa ra cần phải có hồ sơ thiết kế sơ bộ được bên Chủ Đầu tư nghiệm thu chấp thuận bằng văn bản thì mới chuyển sang giai đoạn thanh toán...”

Và tại Công văn số 85-2008/CV-HĐ/QLDA ngày 31/7/2008 của Nguyên đơn gửi Bị đơn đã ghi “Chấp thuận phương án tổng thể của Công ty TNHH Thiết kế và xây dựng PL để công ty có cơ sở lập hồ sơ trình duyệt Sở Quy hoạch – Kiến trúc”.

Sau khi ban hành công văn nêu trên, Nguyên đơn tiếp tục chuyển cho Bị đơn số tiền 5% giá trị hợp đồng nâng tổng số tiền đã chuyển cho Bị đơn là 31% giá trị hợp đồng.

Tiếp theo, 02 hóa đơn GTGT mang số 0081905 ngày 24/2/2008 và 0081909 ngày 18/8/2008 do Bị đơn phát hành cho Nguyên đơn liên quan đến 2 khoản tiền mà Nguyên đơn đã chuyển cho Bị đơn ở các giai đoạn 1 và 2 đều ghi “Phí thiết kế thanh toán lần 1, dự án khách sạn cao cấp HĐ . Đợt 1 327,751,05USD thành tiền 4.747.623.000đ” và “Phí thiết kế lần 2 sau khi đệ

trình mặt bằng tổng thể và thiết kế kiến trúc sơ bộ cho chủ đầu tư chấp nhận (5% giá trị hợp đồng) Đợt 2: 69.000USD thành tiền 1.047.549.230đ”.

Các hóa đơn nêu trên thể hiện nội dung “Phí thiết kế” mà không phải là “tạm ứng” như lời trình bày của Nguyên đơn.

Tổng hợp các tình tiết nêu trên đủ căn cứ xác định khoản tiền 2 lần mà Nguyên đơn đã chuyển cho Bị đơn là tiền thanh toán, không phải tiền tạm ứng.

Đối với yêu cầu phản tố của Bị đơn, HĐXX thấy rằng: Theo Công văn số 85-2008/CV-HĐ/QLDA ngày 31/7/2008 của Nguyên đơn gửi Bị đơn thể hiện sự chấp thuận phương án tổng thể của Bị đơn và để Bị đơn để Bị đơn có cơ sở lập hồ sơ trình duyệt Sở Quy hoạch – Kiến trúc. Tuy nhiên hồ sơ chưa được trình lên Sở Quy hoạch Kiến trúc thì đã bị Nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Xét từ ngày 31/7/2008 (Ngày Nguyên đơn chấp thuận phương án tổng thể) tức là ngày Bị đơn đã hoàn thành phần công việc của giai đoạn 2 theo quy định tại khoản 6.4 của Hợp đồng số 01 quy định về Điều kiện để Tư vấn được thanh toán mà các bên đã thỏa thuận “Đối với thanh toán lần 2: Sau khi Tư vấn nộp hồ sơ thiết kế cho Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư phê duyệt” phù hợp với hóa đơn GTGT ngày 18/8/2008 của Bị đơn phát hành cho Nguyên đơn xác nhận khoản phí thanh toán lần 2 là 10% giá trị hợp đồng cho khối lượng công việc đã hoàn thành của mình”.

Như vậy, sau ngày 31/7/2008 Bị đơn sẽ bắt đầu thực hiện công việc của giai đoạn 3 đúng tinh thần của Công văn số 85-2008/CV-HĐ/QLDA ngày 31/7/2008 của Nguyên đơn “...để công ty (Bị đơn) có cơ sở lập hồ sơ trình Sở Quy hoạch – Kiến trúc”

Từ ngày 31/7/2008 cho đến ngày 03/9/2008 (khi Nguyên đơn gửi cho Bị đơn Công văn số 99-2008/CV-HĐ/QLDA yêu cầu dừng việc in tiếp bản vẽ) thì Bị đơn đã tiến hành thực hiện phần công việc của giai đoạn 3 được 62 ngày và sản phẩm của Bị đơn đã hoàn thành thể hiện tại Công văn không số gửi cho

Nguyên đơn lập ngày 3/9/2008 có nội dung “...Chúng tôi kính trình ông bộ hồ sơ cho Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội phê duyệt bộ hồ sơ bao gồm:

1. Bản thảo mẫu đơn
2. 1 Bộ thuyết minh tóm tắt thiết kế Kiến trúc, Kết cấu và Cơ điện
3. 1 Bản vẽ mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1:500 khổ giấy A1
4. Một bộ bao gồm các bản vẽ Phối cảnh, Mặt Bằng tầng, Mặt đứng và mặt cắt (25 trang) tỷ lệ 1:200 trên khổ giấy A0.

Chúng tôi đã điều chỉnh và khớp bản vẽ của tòa nhà lên bản vẽ chỉ giới đường đỏ bản mềm mà ông gửi cho chúng tôi hôm 27/8/2008...”.

Phía Nguyên đơn chắc chắn đã nhận Công văn nêu trên nên mới có phản hồi bằng Công văn số 99-2008/CV-HD/QLDA để yêu cầu Bị đơn dừng việc in tiếp bản vẽ.

Mặc dù những sản phẩm của Bị đơn đã thực hiện ở giai đoạn 3 không được sử dụng do thay đổi quy hoạch tổng thể nhưng Nguyên đơn vẫn phải có trách nhiệm thanh toán trả Bị đơn công sức đã làm là đúng đắn. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố, buộc Nguyên đơn phải thanh toán trả Bị đơn $\frac{1}{2}$ giá trị của 10% giá trị thanh toán đợt 3 là có lý có tình vì vậy yêu cầu kháng cáo này của Bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn về khoản tiền phạt do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền chậm thanh toán do Nguyên đơn không thực hiện là đúng với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng số 01.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên về trách nhiệm chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chưa thanh toán sau khi bản án có hiệu lực chưa chính xác nên HĐXX phúc thẩm sẽ sửa lại phần quyết định này.

Trong thời gian nghị án, HĐXX nhận được Đơn kiến nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn cho rằng yêu cầu phản tố của Bị đơn nộp đã hết thời hiệu luật định vì theo quy định thì thời hiệu khởi kiện để

Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan tổ chức bị xâm phạm. Ngày 20/01/2009 Nguyên đơn có công văn gửi Bị đơn đây là ngày Bị đơn cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm nhưng đến ngày 24/01/2011 Bị đơn mới nộp đơn phản tố đề ngày 19/01/2011. Ngày Tòa án nhận được đơn mới là ngày để tính thời hiệu khởi kiện đã quá 04 ngày nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố.

HĐXX thấy rằng: Tại bản tự khai lập ngày 31/12/2010 của Bị đơn và Biên bản hòa giải lập ngày 12/01/2008 của Tòa án HK đều thể hiện việc Bị đơn sẽ nộp đơn phản tố yêu cầu Nguyên đơn thực hiện thanh toán lần thứ 3. Đơn phản tố của Bị đơn đề ngày lập 19/01/2011 không thể hiện việc Tòa án HK nhận được vào ngày nào, nhận trực tiếp hay qua bưu điện nhưng Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phản tố của Bị đơn đề ngày 24/01/2011 của Chi cục thi hành án quận HK ghi “Theo yêu cầu thu số 27 ngày 20/01/2011 của TAND quận HK” chứng tỏ đơn phản tố đã được nộp từ trước hoặc trong ngày 20/01/2011. Việc TAND quận HK ghi trong Thông báo thụ lý đơn phản tố số 10a/2009/TB-TL.VA ngày 14/02/2011 “Ngày 24/01/2011 Bị đơn Công ty TNHH...nộp đơn phản tố yêu cầu Công ty...thực hiện nghĩa vụ thanh toán lần thứ 3...” là không chính xác.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 60 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (Đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố của các đương sự trong vụ án này) thì Bị đơn có quyền “Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu” tức là yêu cầu phản tố không bị giới hạn bởi thời hiệu tại thời điểm này.

Quan điểm về giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX.

Do kháng cáo của Nguyên đơn và Bị đơn đều không được chấp nhận nên mặc dù bản án bị sửa, các đương sự vẫn phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận HK về cách tuyên đối với nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần HĐ đối với Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL về việc buộc Công ty TNHH PL phải trả lại số tiền 6.308.478.665đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL. Công ty Cổ phần HĐ phải thanh toán cho Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng PL các khoản:

- 1.599.420.000đ (Tiền thanh toán giai đoạn 3 của Hợp đồng tư vấn thiết kế) + 2.080.735.870đ lãi suất chậm trả
- 406.704.690đ tiền phạt do đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Tổng cộng: 4.086.860.560đ (Bốn tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi ngàn, năm trăm sáu mươi đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bản án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Công ty Cổ phần HĐ phải chịu 226.395.000đ án phí KDTM sơ thẩm và 2.000.000đ án phí KDTM phúc thẩm. Công ty đã nộp tạm ứng 58.150.000đ theo các biên lai số 033687 ngày 12/7/2010 và 03427 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HK.

Công ty TNHH PL phải chịu 104.826.000đ án phí KDTM sơ thẩm do không được chấp nhận một phần yêu cầu phản tố và 2.000.000đ án phí KDTM phúc thẩm. Công ty đã nộp tạm ứng 42.460.000đ tiền tạm ứng án phí theo các biên lai 08627 ngày 24/01/2011 và 03461 ngày 27/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HK.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Hà Nội
- TAND Q. HK
- Chi cục THADS Q. HK
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hạnh